

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76 /2021/DS-ST

Ngày: 10-6-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Phạm Hồng Đức.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49c/2021/QĐXXST-DS ngày 29/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2021/QĐST-DS ngày 12/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số 266-268 đường N, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Triệu Kh; chức vụ: Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro (theo văn bản ủy quyền số 534/2020/GUQ-CNSH ngày 29/12/2020); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1980 và bà Phan Trần Anh Th, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số 111 đường Th, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; ông D có mặt, bà Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2020, bản trình bày ngày 30/3/2021 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Triệu Kh trình bày:*

Ngày 17/01/2019, vợ chồng ông Huỳnh Ngọc D, bà Phan Trần Anh Th và Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh S (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1902500176 ngày 28/01/2019 với số tiền 640.000.000 đ (Sáu trăm bốn

mười triệu đồng chẵn), mục đích vay: Mua xe ô tô, Thời hạn trả nợ 72 tháng. Lãi suất 06 tháng đầu tiên 12,57 %/ năm (trong đó phí bảo hiểm là 0,27%/ năm). Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 07 đến hết tháng 60, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của S + (cộng) biên độ 4,57 %/ năm (trong đó phí bảo hiểm là 0,27%/ năm) kể từ tháng thứ 61 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của S + (cộng) biên độ 5,07 %/ năm (trong đó phí bảo hiểm là 0,27%/ năm) và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh (floating rate) nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc. Phương thức trả nợ: Vốn gốc chia thành 72 kỳ, kỳ hạn trả nợ là 1 tháng/kỳ kể từ ngày vay, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 28/02/2019, các kỳ trả nợ kế tiếp vào ngày 28 hàng tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 8.890.000đồng...

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th đã thế chấp cho Ngân hàng: Xe ô tô con 7 chỗ ngồi nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: OUTLANDER GP2WXTMGLV1 sản xuất năm 2019 tại Việt Nam, số khung RLA1TGF2MK1000090, số máy AN82654B11, biển kiểm soát số 92A- 146.95; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029473 cấp ngày 28/01/2019 tại Phòng cảnh sát giao thông CA Tỉnh Quảng Nam theo Hợp đồng thế chấp số 000556 ngày 28/01/2019 đã được Văn Phòng Công Chứng Trần Thị Th chứng nhận và được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/01/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng số 1316324572.

Quá trình vay, từ ngày giải ngân món vay trên đến tháng 7/2020 ông D bà Th trả cho ngân hàng được 268.989.843đồng (trong đó tiền gốc là 178.350.000đồng, tiền lãi là 90.639.843đồng), từ tháng 8/2020 ông D bà Th không trả nợ tiếp theo đúng hợp đồng đã ký. Sau khi ngân hàng khởi kiện tại Tòa án thì ngày 28/3/2021 ông D bà Th trả cho ngân hàng được một phần tiền gốc và tiền lãi. Tính đến ngày 10/6/2021 ông D và Th thanh toán cho Ngân hàng được **432.029.585** đồng, trong đó: tiền gốc 278.920.000đồng, tiền lãi 153.109.585đồng và còn nợ ngân hàng tổng cộng 362.561.516đồng, trong đó nợ gốc 361.080.000đồng; tiền lãi 1.481.516đồng.

Ông D và bà Th nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông D và bà Th đôn đốc khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ. Tuy nhiên, khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông D và bà Th trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 10/6/2021 là tổng cộng 362.561.516đồng, trong đó nợ gốc 361.080.000đồng; tiền lãi 1.481.516đồng

- Yêu cầu ông D và bà Th tiếp tục trả lãi từ ngày 11/6/2021 đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng LD1902500176 ngày 28/01/2019.

- Trong trường hợp ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th không trả nợ cho ngân hàng số tiền trên, đề nghị phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết

* *Tại bản tự khai viết ngày 30/3/2021, biên bản hòa giải bị đơn ông Huỳnh Ngọc D trình bày:* Ông thừa nhận ngày 28/01/2019 vợ chồng ông có ký Hợp đồng tín dụng số LD1902500176 vay Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh S với số tiền 640.000.000đ, lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay như đại diện ngân hàng trình bày là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông D bà Th đã thế chấp cho Ngân hàng là xe ô tô con 7 chỗ ngồi nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: OUTLANDER; biển kiểm soát 92A- 146.95 đứng tên Huỳnh Ngọc D. Sau khi vay, do tình hình dịch Covid-19 kéo dài, việc làm ăn bị thua lỗ nên vợ chồng ông không trả tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng đúng như cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì ngày 25/3/2021 ông đã trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi là 163.059.742đồng. Hiện nay, tính đến ngày 10/6/2021, vợ chồng ông còn nợ ngân hàng số tiền là 362.561.516đồng, trong đó nợ gốc 361.080.000đồng; tiền lãi 1.481.516đồng vợ chồng ông đồng ý trả, nhưng hiện nay do dịch Covid kéo dài, công việc làm ăn bị thua lỗ nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng ông trả dần.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Phan Trần Anh Th nhưng bà Th vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi nghị án; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn bà Phan Trần Anh Th không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự như không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là quan hệ pháp luật về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[1.2] Bị đơn ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th cư trú tại địa chỉ: Số 111 đường Th, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn bà Phan Trần Anh Th không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Th.

[2] Về nội dung khởi kiện: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th trả cho ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 10/6/2021 là 362.561.516đồng. Trong đó nợ gốc 361.080.000đồng, tiền lãi 1.481.516đồng và tiếp tục trả lãi từ ngày 11/6/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1902500176 ngày 28/01/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng. Trong trường hợp ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th không trả nợ cho ngân hàng số tiền trên, đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Bị đơn ông Huỳnh Ngọc D thừa nhận số nợ trên và đồng ý trả nhưng đề nghị ngân hàng cho vợ chồng ông được trả dần.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền nợ gốc và tiền lãi: Ngày 28/01/2019, vợ chồng ông Huỳnh Ngọc D, bà Phan Trần Anh Th với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh S đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LD190250017. Theo hợp đồng: Ngân hàng cho ông D bà Th vay số tiền 640.000.000đồng; mục đích vay: Mua xe ô tô; thời hạn trả nợ 72 tháng; lãi suất 06 tháng đầu tiên 12,57 %/ năm; từ tháng thứ 07 đến hết tháng 60, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 4,57 %/ năm; từ tháng thứ 61 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 5,07 %/ năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Phương thức trả nợ: Vốn gốc chia thành 72 kỳ; kỳ hạn trả nợ là 1 tháng/kỳ kể từ ngày vay; kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 28/02/2019; các kỳ trả nợ kế tiếp vào ngày 28 hàng tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 8.890.000đồng...

Xét thấy: Các bên ký kết Hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 BLDS và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải

ngân cho ông D bà Th số tiền là 640.000.000đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi được quy định tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng, cụ thể từ tháng 7/2020 ông D và bà Th không trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng nên tháng 10/2020 Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án. Trong đơn khởi kiện, ngân hàng yêu cầu ông D bà Th phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là 476.761.904đồng. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông D bà Th đã trả cho ngân hàng được 163.059.742đồng tiền gốc và lãi, tính đến ngày 10/6/2021 ông D bà Th còn nợ ngân hàng số tiền là 362.561.516đồng; trong đó nợ gốc 361.080.000đồng, tiền lãi 1.481.516đồng. Do vậy, ngân hàng yêu cầu ông D bà Th phải trả số tiền trên cho ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông D bà Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD190250017 ngày 28/01/2019 kể từ ngày 11/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.2] Việc ông D đề nghị cho vợ chồng ông bà được trả dần nhưng không được đại diện theo ủy quyền của ngân hàng đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông D bà Th không thanh toán:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th đã thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô con 7 chỗ ngồi nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: OUTLLANDER GP2WXTMGLV1 sản xuất năm 2019 tại Việt Nam, số khung RLA1TGF2MK1000090, số máy AN82654B11, biển kiểm soát số 92A- 146.95; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029473 cấp ngày 28/01/2019 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tỉnh Quảng Nam theo Hợp đồng thế chấp số 000556 ngày 28/01/2019 đã được Văn Phòng Công Chứng Trần Thị Th chứng nhận và được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/01/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng số 1316324572.

Hợp đồng thế chấp được ký kết trên sự tự nguyện giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được công chứng, được đăng ký bảo đảm nên có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 117, 118, 119, 298, 317, 401 BLDS 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp ông D bà Th không thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp được phát mãi theo quy định tại Điều 299, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 303 BLDS 2015 và Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm.

[3] Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029473 cấp ngày 28/01/2019 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tỉnh Quảng Nam đứng tên Huỳnh Ngọc D cho ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th sau khi ông D bà Th thanh toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP S.

[4] Về án phí: Ông D bà Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là $362.561.516 \text{đồng} \times 5\% = 18.128.075 \text{đồng}$ (Mười tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng).

[5] Về lệ phí và chi phí tố tụng:

[5.1] Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng Ngân hàng TMCP S phải chịu theo quy định pháp luật (đã nộp và đã chi).

[5.2] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th phải chịu. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng trước nên ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 303, Điều 463; Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th.

Xử:

1. Buộc ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 362.561.516đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu năm trăm sáu mươi một nghìn năm trăm mười sáu đồng). Trong đó tiền gốc là 361.080.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/6/2021 là 1.481.516đồng.

2. Ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD190250017 ngày 28/01/2019 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Huỳnh Ngọc D, bà Phan Trần Anh Th kể từ ngày 11/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

- Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029473 cấp ngày 28/01/2019 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tỉnh Quảng Nam đứng tên Huỳnh Ngọc D cho ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th sau khi ông D bà Th thanh toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP S.

- Trường hợp ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con 7 chỗ ngồi nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: OUTLANDER GP2WXTMGLV1 sản xuất

năm 2019 tại Việt Nam, số khung RLA1TGF2MK1000090, số máy AN82654B11, biển số xe 92A- 146.95; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029473 cấp ngày 28/01/2019 tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Nam đứng tên Huỳnh Ngọc D để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th phải chịu 18.128.075đồng (Mười tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 11.535.000đồng (Mười một triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001441 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

5. Về lệ phí và chi phí tố tụng:

- Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng Ngân hàng phải chịu theo quy định pháp luật (đã nộp và đã chi).

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th phải chịu, nhưng Ngân hàng S đã nộp tạm ứng trước (đã chi). Do vậy, ông Huỳnh Ngọc D và bà Phan Trần Anh Th có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng S số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) mà Ngân hàng TMCP S đã nộp.

6. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, bị đơn ông Huỳnh Ngọc D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Phan Trần Anh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Đà Nẵng;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng

